

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT, lập hồ sơ, cấm cọc giải phóng mặt bằng và giá gói thầu thuộc công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2014/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 46/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2016 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1865/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; số 2510/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 về việc đính chính nội dung Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25/5/2020; số 3047/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (CT30a);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3340/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/8/2020, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 3339/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/8/2020 và của UBND huyện Quan Hóa Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 03/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT, lập hồ sơ, cấm cọc giải phóng mặt bằng và giá gói thầu thuộc công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

3. Phạm vi khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công

Điểm đầu Km0- giao với đường bê tông đi bản Mí thuộc địa phận bản Bá, xã Phú Xuân; điểm cuối Km8+496,76- tại trung tâm bản Vui xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa. Chiều dài tuyến 8,496km.

4. Quy mô xây dựng

Nâng cấp, cải tạo đảm bảo quy mô đường giao thông nông thôn cấp B theo TCVN 10380:2014; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; lề đường $B_{ld}=2\times0,75\text{m}=1,5\text{m}$; mặt đường gia cố chống trơn, các đoạn có độ dốc lớn và đường hai đầu cầu sử dụng mặt đường BTXM; công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT, tải trọng thiết kế H13-X60 (đối với cống), HL93 và người đi bộ $3\times10^{-3}\text{Mpa}$ (đối với cầu), tần suất tính toán thủy văn $P=4\%$.

5. Địa điểm xây dựng: xã Phú Xuân, Thanh Xuân, huyện Quan Hóa.

6. Nội dung công tác khảo sát, lập hồ sơ, cắm cọc GPMB: Chi tiết như Tờ trình số 3340/TTr-SGTVT ngày 10/8/2020 của Sở Giao thông vận tải.

7. Nhiệm vụ lập thiết kế bản vẽ thi công: theo phạm vi tuyến, quy mô xây dựng và đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn cho dự án; phù hợp với dự án đầu tư đã được phê duyệt và các quy định khác của pháp luật.

8. Dự toán phê duyệt: **1.263.974.000 đồng** (*Một tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát	: 639.966.000 đồng.
- Chi phí giám sát công tác khảo sát	: 26.059.000 đồng.
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	: 19.199.000 đồng.
- Chi phí lập thiết kế BVTC-DT	: 380.191.000 đồng.
- Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	: 198.559.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

9. Giá gói thầu phê duyệt

- Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT, lập hồ sơ cắm cọc GPMB và mốc lộ giới: 1.218.716.000 đồng.

- Giá trị các gói thầu trên thay thế cho giá gói thầu ghi trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Giao UBND huyện Quan Hóa tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 3339/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/8/2020 đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX_{30a117}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ BIỂU DỰ TOÁN
CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG, LẬP HỒ SƠ,
CẤM CỌC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
Dự án: Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân,
huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Thành tiền
I	Chi phí khảo sát xây dựng		639.966.000
1	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	322.011.603
1.1	Chi phí vật liệu	Dự toán chi tiết	39.930.574
1.2	Chi phí nhân công		265.563.184
1.3	Chi phí máy thi công		16.517.845
2	Chi phí gián tiếp	C+LT	211.655.157
2.1	Chi phí chung	NC x 70%	185.894.229
2.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế, chi phí gián tiếp khác	T x 5%	25.760.928
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	(T+GT) x 6%	32.020.006
	Giá thành khảo sát xây dựng	(T+C+TL)	565.686.766
4	Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát		16.100.580
4.1	Chi phí lập phương án khảo sát	Gks*2%	6.440.232
4.2	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát	Gks*3%	9.660.348
	Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	Gks+Cpvks	581.787.000
5	Thuế giá trị gia tăng	G x 10%	58.178.700
	Giá trị khảo sát sau thuế	G + GTGT	639.966.000
II	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	Gksxd*3%	19.199.000
III	Chi phí giám sát công tác khảo sát	Gksxd*4,072%	26.059.000
IV	Chi phí lập hồ sơ cấm cọc GPMB		198.559.000
1	Chi phí lập hồ sơ thiết kế hạng mục cấm cọc GPMB	Gxl*1,1*1,271%	666.000
2	Chi phí xác định vị trí cấm cọc GPMB	Dự toán chi tiết	145.537.000
3	Chi phí sản xuất và cấm cọc GPMB		52.356.000
V	Chi phí lập thiết kế BVTC, DT	Quyết định số 2510/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh	380.191.000
TỔNG CỘNG		I+II+III+IV+V	1.263.974.000